TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:104/2024/DS-PT
Ngày: 03-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long
Ông Đặng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114 /2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2024/QĐPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Thành N, sinh năm: 1981;
Địa chỉ: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)
Người đại diện ủy quyền cho anh Dương Thành N: Anh Lê Huy H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ G, ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt)
- *Bị đơn*: 1. Anh Ngô Chí Q, sinh năm: 1988 (vắng mặt)
2. Chị Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm: 1990; (có mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh
Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc H1 là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2023 của nguyên đơn anh Dương Thành N và tại Bản tự khai ngày 12/6/2023 anh Lê Huy H trình bày:

Anh Ngô Chí Q là thợ sửa xe tại tiệm X thuộc khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai do anh Dương Thành N làm chủ.

Ngày 08/8/2022 anh Dương Thành N có cho vợ chồng anh Ngô Chí Q và chị Nguyễn Thị Ngọc H1 vay số tiền là 250.000.000 đồng, anh N có chuyển qua số tài khoản 73510000590853 của Ngân hàng H2 (B) do chị Nguyễn Thị Ngọc

H1 làm chủ tài khoản, do là chỗ tình nghĩa anh em kết nghĩa nên giữa hai bên không có làm giấy tờ. Trong ngày 08/8/2022 anh N tiếp tục cho vợ chồng anh Q và chị H1 vay tiếp số tiền là 200.000.000 đồng cũng chuyển tiền qua tài khoản của chị H1 và cũng không có làm giấy tờ, sau đó anh Q không có làm tại tiệm của anh N nữa, anh N có nhiều lần đến nhà của anh Q gặp vợ chồng anh Q và chị H1 và bố mẹ anh Q và chị H1 yêu cầu trả nợ cho anh N thì vợ chồng anh Q và bố mẹ anh Q chị H1 hứa bán đất trả nợ cho anh N. Nhưng đến nay vợ chồng anh Q và chị H1 vẫn không thực hiện. Nay anh N yêu cầu chị H1 và anh Q phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn là 450.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/8/2022 đến ngày 08/3/2023 là 63.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi với mức lãi suất là 2%/tháng cho đến khi xét xử.

Tại Bản tự khai ngày 29/6/2023 của bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H1 và tại phiên tòa anh Trầm Phú L là người đại diện ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày: Ngày 08/8/2022 chồng của chị H1 là ông Ngô Chí Q có yêu cầu chị H1 cung cấp số tài khoản của chị H1 cho ông Ngô Chí Q để ông Q nhận tiền do người khác chuyển trả trong làm ăn kinh doanh của ông Ngô Chí Q nên chị H1 có cung cấp số tài khoản của chị H1 cho anh Q, trong ngày 08/8/2022 chị có nhận được số tiền 250.000.000 đồng và 200.000.000 đồng từ số tài khoản 1024740539 đứng tên Dương Thành N, cùng ngày anh Q yêu cầu chị H1 chuyển từ số tài khoản của chị H1 cho một số người mà Q làm ăn chung, chị H1 hoàn toàn không biết những người này là ai và chị cũng không biết anh Dương Thành N là ai, vì anh Q đi làm ăn ở Đồng Nai ít khi về nhà. Chị H1 khẳng định chị H1 hoàn toàn không có vay mượn tiền của anh N nên chị H1 không đồng ý theo yêu cầu của anh N.

Anh Ngô Chí Q vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử nên không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Dương Thành N.

Buộc anh Ngô Chí Q và chị Nguyễn Thị Ngọc H1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Dương Thành N số tiền là 515.487.000 đồng (trong đó tiền vốn là 450.000.000 đồng; tiền lãi là 65.487.000 đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/02/2024 chị Nguyễn Thị Ngọc H1 kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị H1 khai từ năm 2018, anh Q không lo làm ăn, mê cờ bạc bỏ đi không quan tâm đến mẹ con của chị nên đến năm 2002 chị xin ly hôn với anh Q. Việc anh Q vay nợ của anh N chị không biết và không cùng sử dụng nên không đồng ý cùng anh Q trả nợ cho anh N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu kháng cáo của chị H1 là không có cơ sở chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Ngô Chí Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Tòa án xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Xét kháng cáo của chị H1 không đồng ý trả cho anh Dương Thành N 515.487.000 đồng vì chị không có vay nợ của anh N. Chị H1 cho rằng số tiền 450.000.000 đồng anh N chuyển khoản cho chị là do anh Q cung cấp số tài khoản để anh N chuyển tiền làm ăn chung giữa anh Q và anh N. Sau khi nhận tiền chị đã chuyển tiền cho những người làm ăn chung với anh Q hết số tiền trên chị không có vay nợ của anh N và cũng không có sử dụng số tiền 450.000.000 đồng.

Theo bản sao kê tài khoản của anh N tại Ngân hàng V Chi nhánh N1 thể hiện ngày 08/8/2022 anh N chuyển tiền từ số tài khoản 102470539 sang tài khoản số 73510000590853 của chị Nguyễn Thị Ngọc H1 nội dung Dương Thành N chuyển tiền CT102470539 tới 73510000590853 Nguyễn Thị Ngọc H1 (B).

Bên anh N cung cấp tin nhắn giữa anh N và anh Q, anh N và chị H1 từ bút lục 130- 133 nội dung anh N nhắn tin cho chị H1 "*…thay vì số tiền Q nợ ng ta thì nếu chú bỏ đi vậy thì coi như cũng đã nợ, mà chú nghĩ cách gạt anh để lấy tiền trả nợ cho ng ta rồi a phải ôm đống nợ, thật tình là a ko hiểu nổi… 170tr của ac tạm ko nói đi, còn 300tr của ae a phải trả 36 tr tiền lời…. mà bổng dưng anh thành con nợ thay cho Q… Cũng may là Q kêu a chuyển số tiền cho H1…*" Nội dung tin nhắn thể hiện anh Q vay nợ của anh N để trả nợ cho người khác.

[3] Theo bản sao kê tài khoản của chị H1 tại Ngân hàng B thể hiện sau khi nhận số tiền 450.000.000 đồng sau khi nhận được chị H1 đã chuyển tiền cho các giao dịch làm ăn của anh Q. Bản sao kê tài khoản của chị H1 cung cấp từ Bút lụt số 73-88 thể hiện ngày 31/5/2022,08/6/2022,10/6/2022, 14/6/2022,

15/6/2022,23/6/2022, 07/7/2022,11/7/2022, 04/8/2022….. anh Q rất nhiều lần chuyển tiền cho chị H1, tài khoản của Pham K chuyển tiền cho chị tiền vào tài khoản của H1 05 lần, lần ít nhất 2.000.000 đ cao nhất 138.000.000 đ… Ngoài ra còn nhiều người khác chuyển cho chị H1 nhận trong giao dịch làm ăn của anh Q. Các khoản chi từ tài sản của chị H1 chuyển tiền ghi nội dung anh Q chuyển tiền các ngày 11/6/2022, 12/6/2022,18/6/2022, 20/6/2022,23/6/2022, 28/6/2022, 01/7/2022, 03/7/2022, 04/7/2022, ….. rất nhiều lần.

Bên cạnh đó sau khi anh N chuyển tiền chị H1 nhận 450.000.000 đồng chị H1 đã rút tiền và chuyển cho các người khác vượt hơn 450.000.000 đồng mà anh N đã chuyển cho chị H1.

Điều đó chứng minh, anh Q và chị H1 là vợ chồng cùng giao dịch làm ăn chung sử dụng tài khoản số 73510000590853 tại Ngân hàng BIDVcủa chị Nguyễn Thị Ngọc H1 để thực hiện các giao dịch chuyển, nhận tiền của anh Q. Chị H1 khai anh Q và chị mâu thuẫn nhau từ năm 2018, anh Q mê cờ bạc bỏ chị không chăm sóc vợ con là không có căn cứ vì trước và sau ngày anh N cho mượn tiền chị H1 sử dụng tài khoản của chị tại Ngân hàng B để thực hiện các giao dịch làm ăn của anh Q.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H1 phải có nghĩa vụ cùng anh Q trả nợ cho anh N là có căn cứ đúng pháp luật, nên kháng cáo của chị H1 là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các tình tiết của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị H1 không được chấp nhận nên chị phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc H1.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

Buộc anh Ngô Chí Q và chị Nguyễn Thị Ngọc H1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Dương Thành N số tiền là 515.487.000 đồng (*Năm trăm mười lăm*

triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Trong đó tiền vốn là 450.000.000 đồng; tiền lãi là 65.487.000 đồng).

Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H1 phải chịu 300.000 đồng. Chị H1 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000395 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần nên cấn trừ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung